

Bảo đảm an sinh xã hội cho người dân Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới

23/12/2025

ThS. Nguyễn Thị Linh
Học viện Cảnh sát nhân dân

(Quanlynhanuoc.vn) – Trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Hệ thống an sinh xã hội ngày càng được mở rộng, nâng cao về chất lượng và bao phủ nhiều nhóm đối tượng hơn. Nhà nước tập trung hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, giảm nghèo đa chiều hướng tới bao phủ an sinh xã hội toàn dân. Bài viết phân tích thực trạng thực hiện an sinh xã hội hiện nay, nêu những bất cập và đề xuất một số giải pháp góp phần tăng cường bảo đảm an sinh xã hội cho người dân Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Bảo đảm an sinh xã hội, xây dựng chính sách, phát triển bền vững, công bằng xã hội.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, an sinh xã hội là một thuật ngữ được nhắc đến nhiều trong những năm gần đây. Giải quyết các vấn đề an sinh xã hội được coi vừa là điều kiện, mục đích, vừa tạo ra động lực, mục tiêu của phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo hướng phát triển nhanh và bền vững. An sinh xã hội đã được Đảng xác định là một trong những hệ thống chính sách xã hội thiết yếu, một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã đề ra một số điểm mới, quan trọng, một trong những điểm mới đó chính là hướng tới xây dựng một hệ thống an sinh xã hội hoàn thiện: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu – nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi”¹. Như vậy, Đảng đã xác định rõ các chính sách để bảo đảm an sinh xã hội, đó là: xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, và cải thiện thu nhập, ưu đãi người có công... Các chính sách trên được kết hợp với nhau để tạo thành hệ thống an sinh xã hội hoàn thiện.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực hiện an sinh xã hội

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) của Đảng đã đề ra chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, mở ra thời kỳ mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cụ thể, bảo đảm: “ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hoá, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở”². Đây được coi là mục tiêu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Bảo đảm tốt an sinh xã hội sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất giữa đổi mới về kinh tế với đổi mới chính trị, xã hội, tạo sự cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội ngay trong những bước đi đầu tiên của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Cùng với những thành tựu trong thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội, nhận thức về an sinh xã hội cũng có thêm bước tiến mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), lần đầu tiên Đảng khẳng định nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội là một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội để người dân có “cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”, “bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất”³. Nhận thức mới về mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (năm 1996) của Đảng xác định là: “vì hạnh phúc của con người là động lực to lớn để phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴, góp phần tạo tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới – thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tại Đại hội IX, Đảng nhấn mạnh: “Mọi chính sách an sinh xã hội đều phải góp phần “nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của Nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”⁵.

Đến Đại hội X, khi tiếp tục đưa chủ trương bảo đảm an sinh xã hội thành định hướng phát triển bền vững đất nước, Đảng đã khẳng định: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, “càng đi vào phát triển kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục – văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân”⁶.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng một lần nữa khẳng định: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động... Chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân”⁷.

Trên cơ sở đó, có thể hiểu, an sinh xã hội là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin... thông qua việc nâng cao năng lực tự an sinh của người dân và sự trợ giúp của Nhà nước. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện, từng bước mở rộng diện bao phủ, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ đang là đích đến của các quốc gia trên thế giới.

Theo đó, chính sách an sinh xã hội cần tập trung vào 4 nội dung chính, như sau: (1) Tăng cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động yếu thế thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động; (2) Mở rộng cơ hội cho người lao động tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất do các rủi ro, ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già...; (3) Hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp các rủi ro không lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát (mất mùa, thiên tai, đói nghèo...) thông qua các khoản tiền mặt hoặc hiện vật từ ngân sách nhà nước; (4) Tăng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, như: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin.

3. Thực trạng thực hiện an sinh xã hội cho người dân hiện nay

Việt Nam đã có bước tiến quan trọng trong phát triển hệ thống an sinh xã hội. Tính đến năm 2023, cả nước có khoảng 18,26 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (chiếm 39,25% lực lượng lao động trong độ tuổi), trong đó có khoảng 1,83 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (tương đương 3,92% lực lượng lao động), vượt 1,42 điểm phần trăm so với mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới⁸.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 93,35% dân số, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có mức độ bao phủ bảo hiểm y tế cao hàng đầu trong khu vực ASEAN⁹. Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện chính sách, mở rộng diện bao phủ, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, chất lượng. Việc gần như toàn bộ dân số được bảo vệ trước các rủi ro về sức khỏe là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của chính sách an sinh xã hội trong hiện thực hóa công bằng xã hội.

Hiện nay, cả nước thực hiện trợ cấp xã hội cho hơn 3,8 triệu người với tổng ngân sách chi trả trợ cấp xã hội khoảng 32.000 tỷ đồng/năm¹⁰. Điều này thể hiện sự bao phủ có hệ thống để

chăm lo đời sống những đối tượng yếu thế trong xã hội. Việc mở rộng diện thụ hưởng qua từng năm cùng với tăng mức chuẩn trợ cấp (từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng vào năm 2024) cho thấy, chính sách trợ cấp xã hội đang ngày càng phản ánh nhu cầu thực tế, giúp người hưởng có thể trang trải cuộc sống cơ bản, giảm thiểu rủi ro về nghèo đói đột xuất. Ngân sách trợ cấp xã hội tăng từ khoảng 15.000 tỷ năm 2016 lên 32.000 tỷ đồng (năm 2024), tương ứng mức chi tăng 113%, thể hiện sự ưu tiên của Nhà nước trong củng cố hệ thống an sinh xã hội¹¹.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đã giảm xuống còn 2,93%, tương ứng với khoảng 815.101 hộ, giảm 1,1 điểm phần trăm so với cuối năm 2022¹². Đây sự nỗ lực rất lớn của Nhà nước trong công tác giảm nghèo toàn diện, không chỉ cải thiện điều kiện sống của người dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho công bằng xã hội. Việc giảm tỷ lệ nghèo đa chiều còn giúp giải phóng nguồn lực lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, nhất là miền núi và đô thị.

Nhà nước luôn quan tâm và có chính sách trợ giúp xã hội cho người cao tuổi. Hiện cả nước có 425 cơ sở trợ cấp xã hội, trong đó có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi¹³. Trong Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023, Chính phủ đã yêu cầu đẩy nhanh nhiệm vụ nghiên cứu, giải quyết trợ cấp xã hội, hưu trí xã hội cho người cao tuổi từ 75 – 80 tuổi, nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi... Đảng, Nhà nước, xã hội luôn quan tâm sức khỏe, phòng, chống bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi. Hiện nay, cả nước có 400 trung tâm bảo trợ xã hội tư nhân, hệ thống trung tâm bảo trợ xã hội do Nhà nước lập ra và quản lý là hơn 200 trung tâm¹⁴. Tại bệnh viện đa khoa của các địa phương và bệnh viện trung ương có các khoa lão khoa được thành lập và có buồng riêng dành cho người cao tuổi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện bảo đảm an sinh xã hội cho người dân cũng tồn tại, khó khăn nhất định:

(1) Công tác bảo đảm an sinh xã hội ở nước ta chưa theo kịp quá trình đổi mới đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Cơ chế quản lý theo hình thức “xin – cho”, hành chính – mệnh lệnh vẫn còn tồn tại ở một số ngành, địa phương. Các chủ trương, chính sách về an sinh xã hội chưa bám sát với thực tiễn; văn bản mới được ban hành đã có những bất cập cần phải chỉnh sửa, bổ sung; việc triển khai các văn bản, chính sách về an sinh xã hội vào đời sống còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt, tại một số địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

(2) Đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực an sinh xã hội còn thiếu kỹ năng chuyên môn, tính chuyên nghiệp chưa cao, đặc biệt là năng lực đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số vào quản lý, điều hành an sinh xã hội còn hạn chế. Chất lượng cán bộ quản lý các cấp về an sinh xã hội chưa theo kịp sự phát triển của xã hội, còn tồn tại những biểu hiện quan liêu, xa dân; hướng

dẫn tổ chức thực hiện, xử lý các vụ, việc vi phạm pháp luật còn lúng túng. Nguồn lực tài chính cho an sinh xã hội còn hạn hẹp, mức hỗ trợ còn thấp, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực an sinh xã hội chưa tự giác, còn trông chờ vào chính sách, sự hỗ trợ của Nhà nước.

(3) Quy mô và chất lượng dịch vụ an sinh xã hội chưa cao, nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các sản phẩm dịch vụ an sinh xã hội chưa thực sự sáng tạo, phong phú, chưa đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân. Hệ thống an sinh xã hội chưa bao phủ hết các mặt, các lĩnh vực, đối tượng tham gia còn hẹp. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp do các giải pháp mở rộng đối tượng chưa thật sự hiệu quả, đặc biệt đối với các đối tượng lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức.

(4) Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, bất bình đẳng giữa người giàu và người nghèo có xu hướng gia tăng; chênh lệch phát triển giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp; tỷ lệ hộ nghèo tập trung cao ở nhóm dân tộc thiểu số. Văn hóa ứng xử trong quản lý, thái độ, trách nhiệm với cộng đồng và đối tượng thụ hưởng an sinh xã hội còn nhiều bất cập. Khoảng cách thụ hưởng an sinh xã hội giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả trong bảo đảm an sinh xã hội cho người dân

Thứ nhất, đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý lĩnh vực an sinh xã hội.

Tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức về các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển hệ thống an sinh xã hội tiếp cận theo quyền trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn, tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020 và kinh nghiệm quốc tế để hình thành hệ thống quan điểm, định hướng mới về an sinh xã hội cho giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn xa hơn phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế trong hội nhập.

Thống nhất quản lý nhà nước lĩnh vực an sinh xã hội vào một đầu mối; tăng cường sự phối hợp trong hệ thống quản lý nhà nước liên quan đến an sinh xã hội; phân cấp mạnh cho địa phương, cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và sử dụng hiệu quả cơ chế thị trường trong đảm bảo an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước lĩnh vực an sinh xã hội theo hướng tinh giảm, có thể lực tốt, tri thức cao, có kỹ năng quản lý giỏi, có hành vi và ý thức chính trị, xã hội tốt; phát triển mạnh nhân viên công tác xã hội theo hướng chuyên môn hoá và chuyên nghiệp theo nhu cầu của xã hội.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện chính sách an sinh xã hội của đội ngũ cán bộ các cấp.

Nâng cao nhận thức về an sinh xã hội giúp khắc phục những tư tưởng cục bộ, tham nhũng, tiêu cực... Từ đó, phát huy tác dụng của các chính sách cứu trợ xã hội tốt hơn. Các cấp chính quyền nâng cao nhận thức và năng lực về an sinh có ý nghĩa rất quan trọng giúp định hướng, phổ biến đúng đắn quan điểm, chủ trương của Đảng để người dân hiểu và tự giác tham gia chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, phát huy tối đa nguồn lực của người dân vào các quỹ an sinh xã hội, giảm nhẹ gánh nặng ngân sách cho Nhà nước.

Nâng cao năng lực thực hiện chính sách an sinh xã hội của đội ngũ cán bộ các cấp phải được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của quần chúng nhân dân, cán bộ, đảng viên trong quá trình làm việc cũng như trong đời sống. Kiên quyết xử lý đúng quy định của pháp luật, không dung túng, bao che đối với cán bộ, đảng viên vi phạm.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tiếp tục đổi mới hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an sinh xã hội theo hướng kết hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội công bằng, bảo đảm an sinh xã hội. Bổ sung, hoàn thiện pháp luật về an sinh số, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm khung pháp lý đầy đủ, phù hợp, hiệu lực, khả thi phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

Ưu tiên hoàn thiện các chính sách đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn, tránh cào bằng, hỗ trợ theo nhu cầu và tạo động lực phấn đấu cho đối tượng thụ hưởng, khuyến khích người dân chủ động, tích cực. Khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế, bất cập trong thủ tục hành chính nhằm tạo cơ sở hành lang pháp lý đầy đủ nhất có thể cho lĩnh vực an sinh xã hội.

Thứ tư, mở rộng và thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội với người có công, xóa đói, giảm nghèo, tiền lương, lao động việc làm và bảo hiểm thất nghiệp.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh đến xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội và huy động phân bổ các nguồn lực giải quyết các vấn đề xã hội. Trong đó, tập trung chăm lo, giải quyết vấn đề người có công với cách mạng, gắn với hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội; bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên; phải “Cân đối ngân sách để tiếp tục thực hiện việc nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công; nâng cấp các công trình “đền ơn đáp nghĩa”¹⁵.

Giải quyết vấn đề xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, Văn kiện XIII của Đảng chủ trương điều chỉnh chuẩn nghèo đa chiều, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản cho người dân; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, giảm

nghèo bền vững và triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 – 2030; “bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu – nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”¹⁶. Chính sách trợ giúp xã hội là một nội dung cơ bản của hệ thống an sinh xã hội, có vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần bảo đảm an toàn cho các thành viên xã hội khi bản thân họ gặp phải rủi ro mà bản thân không thể tự khắc phục được. Quan tâm chăm lo tầng lớp yếu thế, dễ bị tổn thương và những người gặp rủi ro trong cuộc sống là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, bản chất tốt đẹp của chế độ ta và phù hợp với truyền thống đạo lý tương thân tương ái của dân tộc.

Để công tác trợ giúp xã hội đạt hiệu quả cao, Đảng chỉ rõ phải phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, trợ giúp toàn diện cả vật chất và tinh thần phù hợp, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân. Kết hợp giữa trợ giúp thường xuyên với trợ giúp đột xuất, để kịp thời ứng phó với ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh ...

Trong thời gian dịch Covid-19, Nhà nước đã dành nhiều nguồn lực đối phó với đại dịch; thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn: giảm, giãn thuế, phí, lệ phí; giảm giá điện, nước, dịch vụ viễn thông; khoanh nợ, giãn nợ, giảm lãi suất tín dụng; bên cạnh đó, nhiều tổ chức, cá nhân đã tích cực quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ trong công tác phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, mất việc làm, thu nhập. Giúp đỡ, tạo điều kiện để mọi người, đặc biệt là đối tượng yếu thế tiếp cận các nguồn lực, cơ hội phát triển, hưởng thụ công bằng các dịch vụ cơ bản, để họ hòa nhập với cộng đồng, tạo điều kiện cho mọi người, nhất là trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

5. Kết luận

An sinh xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, động lực để phát triển đất nước, giữ vững ổn định chính trị – xã hội, thể hiện tính ưu việt của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội, góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và củng cố ổn định chính trị – xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, nhất là già hóa dân số, lao động phi chính thức gia tăng, tác động của biến đổi khí hậu và chuyển đổi số, hệ thống an sinh xã hội vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật, đổi mới mô hình thực thi, hiện đại hóa nền tảng quản trị và tăng cường sự tham gia của toàn xã hội. Chỉ khi mọi người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế được bảo vệ đầy đủ, chủ động trước rủi ro thì công bằng xã hội mới có thể được hiện thực

hóa một cách sâu rộng mới tạo tiền đề vững chắc cho công cuộc đổi mới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. H. NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, tr. 79 – 80.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1968). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr. 43.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr. 233.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. H. NXB Chính trị quốc gia, tr. 28.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. H. NXB Chính trị Quốc gia, tr. 159.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. H. NXB Chính trị Quốc gia, tr. 101.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. NXB Chính trị Quốc gia, tr. 237.
8. *10 kết quả nổi bật năm 2023 của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam*. <https://baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/linh-vuc-bao-hiem-xa-hoi.aspx?CateID=0&ItemID=22330>
9. ILO (2023). *World Social Protection Report 2023 – 2025: Universal social protection to ensure dignity for all* (2023). Geneva: International Labour Office, page xvii-xviii.
10. *Nhiều đối tượng được tăng mức hưởng trợ cấp xã hội*. <https://lsvn.vn/nhieu-doi-tuong-duoc-tang-muc-huong-tro-cap-xa-hoi-a152339.html>
11. *Ngân sách chi 32 nghìn tỷ đồng cho trợ cấp xã hội trong năm 2024*. <https://vneconomy.vn/ngan-sach-chi-32-nghin-ty-dong-cho-tro-cap-xa-hoi-trong-nam-2024.htm>
12. Chính phủ (2023). *Báo cáo số 580/BC-CP ngày 20/10/2023 về đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021 – 2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025*.
13. *Cả nước có 425 cơ sở trợ giúp xã hội*. <https://nhandan.vn/ca-nuoc-co-425-co-so-tro-giup-xa-hoi-post721778.html>
14. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên) (2018). *Quyền của người cao tuổi*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 363.
- 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 149, 50.

